TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 566/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Công Nhân

Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Khắc Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2018/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1982; hộ khẩu thường trú: Đô thị MĐ I, xã MĐ, huyện T, Thành phố Hà Nội; tạm trú: chung cư EraTown, Đường Y, Khu phố H, phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Văn Hiệp - Luật sư Công ty luật TNHH Victory LLC thuộc đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Vũ Đức Q, sinh năm 1978; địa chỉ: 526 đường Ngô Gia Tự, phường Đằng Lâm, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng; tạm trú: Căn hộ A4-29-07 chung cư EraTown, Đường 15B, khu phố 2, phường Phú Mỹ, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Ngô Bích Hòa – Luật sư Công ty Luật TNHH Khánh Việt thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/02/2018; các tài liệu, chứng cứ chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà H và ông Vũ Đức Q tự nguyện tiến tới hôn nhân và kết hôn lần đầu vào năm 2006, đến tháng 5 năm 2016 ông Q bà H thuận tình ly hôn, do bà H có ý định định cư ở nước ngoài. Sau khi ly hôn, bà H cùng con gái sang Mỹ thăm cha mẹ và tìm trường học cho các con. Trong thời gian bà H ở Mỹ - tháng 10/2016 bà H biết được ông Q có quan hệ tình cảm với người phụ nữ làm chung công ty với ông Q, nên bà và con gái quay về Việt Nam. Sau nhiều lần nói chuyện, ông Q luôn hứa chấm dứt mối quan hệ với người phụ nữ đó và sửa chữa lỗi lầm, bà H vì hạnh phúc của hai bên và con cái nên tha thứ và từ bỏ ý định ra nước ngoài định cư, tháng 9/2017 hai bên kết hôn lại, nhưng cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn lại không có hạnh phúc, do ông Q vẫn tiếp tục quan hệ tình cảm với người phụ nữ đó, bà H và gia đình ông Q đã nhiều lần khuyên can, nhưng ông Q không thay đổi, vẫn tiếp tục mối quan hệ này, đi sớm về muộn, hoàn toàn không quan tâm đến cuộc sống của bà H và các con, làm cho bà H bị trầm cảm phải nhập viện, trong thời gian bà H nằm viện, ông Q không quan tâm, vẫn đi về muộn, cố tình không chăm sóc các con, bà H phải nhờ đến chị gái trong nôm các con, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Do đó, bà H thấy rằng không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với ông Q nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Vũ Phạm Gia B (Nam), sinh ngày 01/12/2007 và trẻ Vũ Phạm Bảo V (Nữ), sinh ngày 19/12/2011. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, cấp dưỡng nuôi con do ông Q tự nguyện. Nếu ông Q không cấp dưỡng thì bà cũng không yêu cầu.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện bà H có yêu cầu chia tài sản chung, nhưng đã rút yêu cầu chia tài sản chung theo Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 22/5/2018, không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để bà và ông Q tự thỏa thuận với nhau.

Về nợ chung: Không có.

Tại các bản tự khai; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/7/2018 và tại phiên tòa, bị đơn ông Vũ Đức Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình tiến tới hôn nhân đúng như bà H trình bày, nhưng trong mối quan hệ hôn nhân với bà H, ông đã vì vợ vì con hy sinh nhiều thứ, chấp nhận ly hôn để bà H đi Mỹ, vất vả kiếm tiền để lo cho gia đình, không để bà H phải làm dâu, trong khi ông là con trai một trong nhà. Thời gian bà H sống ở nước ngoài, vợ chồng có mâu thuẫn, ông có ý định chấm dứt quan hệ vợ chồng với bà H, do đó ông có tình cảm với người người phụ nữ khác, nhưng cũng chỉ là mức độ vui chơi bên ngoài, đến cuối năm 2017 ông đã chấm

dứt mối quan hệ này. Ông vì hạnh phúc của con cái, đã cố gắng bằng nhiều cách để gia đình đoàn tụ, nhưng không có kết quả.

Về con chung: Ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, vì ông là người có đầy đủ khả năng kinh tế để lo tốt cho cuộc sống của hai con, về chăm sóc và giáo dục cho con thì ông và gia đình có truyền thống lễ nghĩa chăm sóc cho con tốt hơn bà H. Nếu giao cả hai con chung cho ông trực tiếp nuôi dưỡng thì ông không cần bà H cấp dưỡng. Nếu hai bên thỏa thuận, thương lượng thì ông đề nghị được trực tiếp nuôi cháu trai Vũ Phạm Gia B, còn bà H nuôi cháu gái Vũ Phạm Bảo V. Điều này phù hợp với tâm sinh lý của cả hai cháu và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà H yêu cầu ly hôn, ông Q đồng ý; về người trực tiếp nuôi con thì bà H có đầy đủ về điều kiện kinh tế, nơi ở, môi trường sống đảm bảo lo cho hai con tốt hơn ông Q, nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Q đồng ý ly hôn và đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cho ông Q nuôi dưỡng, trường hợp không giao hết hai con chung cho ông Q thì yêu cầu ông Q được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Vũ Phạm Gia B, vì cháu Bảo là cháu trai, đang độ tuổi phát triển cần sự chăm sóc giáo dục của bố sẽ phù hợp với tâm sinh lý của cháu; về tài sản chung: bị đơn không có yêu cầu chia tài sản chung; về nợ chung: không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận X về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn với bị đơn đang cư trú tại Quận X thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu H và ông Vũ Đức Q tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống do hoàn cảnh và nhu cầu cuộc sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, làm mất niềm tin lẫn nhau, không còn hạnh phúc, cả hai xác định tình cảm không còn, vợ chồng sống ly thân đã lâu, bà H yêu cầu ly hôn, ông Q đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về con chung: Bà Phạm Thị Thu H và ông Vũ Đức Q 02 con chung là Vũ Phạm Gia B (Nam), sinh ngày 01/12/2007 và trẻ Vũ Phạm Bảo V (Nữ), sinh ngày 19/12/2011. Cả bà H và ông Q đều có nguyện vọng được nuôi hai con là hoàn toàn chính đáng, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc nuôi con nhưng không có kết quả. Xét các chứng cứ, tài liệu chứng minh về điều kiện trực tiếp nuôi con sau ly hôn do hai bên đương sự cung cấp theo yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa án, thì cả bà H và ông Q đều có công việc và thu nhập ổn định, có đầy đủ điều kiện về kinh tế để trực tiếp nuôi hai con sau ly hôn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, ông Q bà H ly hôn đã là thiệt thòi cho con trẻ, các con ông bà không có được tình cảm gia đình trọn vẹn, không có được sự chăm sóc đầy đủ của cả bố mẹ, nếu thay đổi nếp sống hiện tại hoặc chia tách hai trẻ sống riêng, một trẻ sống với cha, một trẻ sống với mẹ thì sẽ làm ảnh hưởng không tốt đến tâm lý của các cháu, trong khi hiện hai cháu đang sinh sống, học tập ổn định. Xét việc đảm bảo cho con tốt hơn về môi trường sống, giáo dục, phát triển tâm sinh lý, sự chăm sóc chu đáo cho hai trẻ mỗi ngày, cả ông Q và bà H đều cho rằng người kia chăm sóc con không tốt, không đủ điều kiện nuôi con, ông Q cho rằng bà H không phải là người vợ, người mẹ tốt, nhưng chỉ là lời trình bày của các bên, cả ông Q và bà H đều không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, đánh giá lời trình bày này của các đương sự.

Xét, tại bản tự khai ngày 22/3/2018 của trẻ Vũ Phạm Gia B tự khai tại Tòa thì trẻ có nguyện vọng sống với mẹ. Ngày 24/7/2018, ông Q cung cấp cho Tòa án một lá thư do cháu Vũ Phạm Gia B viết, trong đó có nội dung cháu Bảo xác định là muốn sống với bố và để mẹ nuôi em gái. Xét nguyện vọng của cháu Bảo trong thư hoàn toàn mâu thuẫn với lời khai của cháu tại tòa trước đây do Thẩm phán tiến hành thu thập theo quy định pháp luật. Mặc khác, đây là khoảng thời gian ông Q và bà H đang có tranh chấp căng thẳng chưa thỏa thuận được việc nuôi con, vì vậy không đảm bảo tính khách quan, nên Hội đồng xét xử không xem đây là chứng cứ để xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy giao hai con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng và đảm bảo được quyền lợi, sự phát triển toàn diện về mọi mặt của trẻ. Bà H tự nguyện không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện bà H có yêu cầu chia tài sản chung, nhưng bà xác định rút yêu cầu chia tài sản chung theo như Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 22/5/2018, xét việc rút yêu cầu là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu này.

[6] Về nợ chung: hai bên đương sự trình bày không có.

[3] Về án phí: Nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Pham Thị Thu H được ly hôn với ông Vũ Đức Q (Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 20/9/2017 tại Uỷ ban nhân dân phường Phú Mỹ, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh)

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Thu H và ông Vũ Đức Q có hai con chung là Vũ Phạm Gia B (Nam), sinh ngày 01/12/2007 và trẻ Vũ Phạm Bảo V (Nữ), sinh ngày 19/12/2011.

Giao hai trẻ Vũ Phạm Gia B và Vũ Phạm Bảo V cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn, ông Q không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Q có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc chia tài sản chung là căn hộ P703 nhà C7, khu ĐTM MĐ I, xã MĐ, huyện TL, Thành phố Hà Nội

4. Về nợ chung: không có.

5. Án phí sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0025143 ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Phạm Thị Thu H 10.000.000 (Mười triệu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0025142 ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM ;
- VKSND Quận7;
- Chi cục THA DS Quận 7;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Phơ